台灣高等院校教育聯盟
Taiwan Higher Education Alliance

學生高分獎助學金
HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH DÀNH CHO HS-SV CÓ THÀNH TÍCH TỐT

為促進學用合一，有效支持企業發展及升級轉型，鼓勵產學共同培育所需之高階技術或創新及跨領域人才，台灣高校教育聯盟結合自身優勢，辦理獎助學金產學合作專案計畫，增補校企業結合之國際級人才。

Nhằm thúc đẩy sự kết hợp giữa học thuật và thực hành, chuẩn bị nguồn nhân lực giỏi chuyên môn giỏi ứng dụng trong tương lai, nuôi dưỡng nhân tài có trình độ học vấn cao và chuyên sâu, có đầu óc và ý tưởng sáng tạo nhằm phục vụ cho nền sản xuất công nghiệp cũng như sự nghiệp giáo dục đào tạo, tổ chức Liên Minh Giáo Dục Bậc Cao Đài Loan, bằng những quyền hạn hợp pháp và khả năng trong giới hạn cho phép, giới thiệu chương trình học bổng khuyến khích dựa trên sự kết hợp với công ty doanh nghiệp dành cho các nhân tài quốc tế.

台灣高校教育聯盟在創新發展與創新投資領域一直不斷的在開發平台，希望能讓培養學子創新創業能力與企業有一個相互激盪創意的空間，讓所學與需求能找到流動群聚的契機。通過獎助學金三明治的學習，幫助學生在學習期間通過實習組建真實團隊，台灣高校教育聯盟協助下創立共贏。

Các viện nghiên cứu và viện học thuật giáo dục bậc cao luôn luôn hướng đến và thúc đẩy sự sáng tạo và phát triển đi đầu, làm nền tảng cho sinh viên phát triển và đổi mới tích cực phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội, mở rộng cơ hội và tương lai của sinh viên. Quỹ học bổng liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, tạm gọi là học bổng “sandwich” (thực tế - lý thuyết – thực tế) được lập ra dựa trên sự liên kết giữa khối các công ty doanh nghiệp và khối tập thể các trường cao đẳng

đại học, được đại diện bởi tổ chức Liên Minh Giáo Dục Đài Loan, mà thông qua Liên Minh các chương trình học bổng được hình thành, được quản lý và vận hành.

經由台灣高等院校教育聯盟每年提供的獎助學金名額，每位學生的金額最高至新台幣 135 萬元，由參與台灣高等院校教育聯盟共同培養的實習單位共同支持，以幫助台灣學生在申請學校的同時，透過實習的方式獲取獎助學金。

Học bổng với trị giá tối đa lên đến 1.350.000 Đài Loan tệ cho mỗi cá nhân nhận được học bổng, với chương trình học tập quốc tế, kết hợp thực tập, tạo điều kiện tối ưu cho sinh viên được hình thành và phát triển toàn vẹn nhất trách nhiệm xã hội cũng như tính cạnh tranh chuyên nghiệp tích cực.

『讓學生與企業及社會接軌』是我們共同努力的目標，經由學校專業且豐富的教育資源規劃，讓孩子們找到自己的興趣及未來的方向。成為世界未來的人才！

“Gắn kết học sinh sinh viên với công ty doanh nghiệp” là mục đích hàng đầu cần được hướng đến. Với sự phong phú về nguồn nhân lực giảng dạy là các giáo sư dày dặn kinh nghiệm chuyên môn, đảm bảo học sinh sinh viên có được môi trường đào tạo tốt nhất, giúp các em có thể nhận ra và xác định được hướng đi cũng như mơ ước trong tương lai của chính bản thân mình, trở thành những nhân tài quốc gia, thậm chí của thế giới.

為了提供優秀學子更好的學習機會與環境，台灣高等院校教育聯盟設立優秀學子獎學金申請計畫，鼓勵學生積極提升國際競爭力，將來能夠回饋貢獻於社會。

Hướng đến các học sinh sinh viên có thành tích học tập tốt, tổ chức Liên Minh trao tặng những phần học bổng có giá trị cao để góp phần hỗ trợ các em trong suốt quá

trình học tập sắp tới, chấp cánh cho con đường tương lai của các em thêm phần rộng mở

以下適用大學、碩士、博士升學申請

Các chương trình học bổng áp dụng cho Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ

「入學獎學金」

1. 學測成績達頂標，並英文頂標。
2. 指考原始分數任三科總分 250 分以上，並英文 85 分以上。
3. 統測原始分數達 600 分以上，並英文 90 分以上。
4. 入學前被當年度 QS 世界 400 名大學錄取，並取得無條件錄取通知書，憑無條件錄取通知書申請。

Học bổng nhập học

1. Có thành tích học tập thuộc top đầu, cùng với trình độ tiếng Anh tốt
2. Tổng điểm thi chất lượng, thi đầu vào của 3 môn thi bất kỳ từ 250/300 trở lên (tương đương 25/30 điểm), đồng thời tiếng Anh 85/100 (8.5/10 điểm) trở lên
3. Thành tích tổng kết từ 600 trở lên, đồng thời tiếng Anh 90/100 (9/10 điểm) trở lên
4. Các trường hợp đã đậu vào top 400 trường đại học hàng đầu thế giới (theo bảng xếp hạng cùng năm các trường đại học thế giới của QS - Quacquarelli Symonds) nhưng trong cùng năm chưa thể nhập học vì lý do hoàn cảnh gia đình không cho phép.

「學年度獎學金」

為鼓勵學生申請到更好的海外大學，我們鼓勵達到一定的成績並擁有一定的雅思成績，提供前三名獎學金與學業高分優秀獎學金。學生須於各年級下學期結束前提交雅思成績單以供查驗，始得此資格，逾期不受。

1. 學生年級年度排名前三名獎學金，年級 GPA3.5 以上，並通過雅思 6.5 分，單科 6 分以上的成績，將可獲得前三名獎學金。
2. 學生年級年度優秀學生獎學金，年級 GPA3.5 以上，並通過雅思 6 分以上，單科不低於 5.5 分的成績，將可獲得優秀學生獎學金。
3. 碩博士不在此申請範圍內。

Học bổng từng năm học

Nhằm khuyến khích học sinh sinh viên có thể xin du học nước ngoài, đối với các cá nhân có thành tích tốt đạt tiêu chuẩn và có điểm IELTS đạt tiêu chuẩn, tổ chức Liên Minh sẽ chọn ra top 3 đứng đầu để trao tặng học bổng. Lưu ý, bằng chứng nhận IELTS tại thời điểm xét duyệt học bổng phải còn hiệu lực.

1. Top 3 đứng đầu trong danh sách tổng kết năm học, kết quả cuối năm GPA 3.5 trở lên, đồng thời IETLS 6.5 trở lên (điểm từng phần nghe – nói – đọc – viết đều phải trên 6.0), có cơ hội nhận học bổng Top 3.
2. Học sinh sinh viên có thành tích tốt, kết quả cuối năm GPA 3.5 trở lên, đồng thời IETLS 6.0 trở lên (điểm từng phần nghe – nói – đọc – viết đều phải trên 5.5), có cơ hội nhận học bổng khuyến khích.
3. Học bổng này không áp dụng cho bậc Thạc sĩ và Tiến sĩ.

「英文高分獎學金」

第一至第四點僅限當年 8 月 1 日入學前申請，憑成績單正本提交，逾期不受。

1. 入學前提交，學測英文滿級分。

2. 入學前提交，指考原始分數英文 90 分以上。

3. 入學前提交，統測原始英文分數 93 分以上。

4. 入學前提交，雅思 6 分以上，單科不低於 5.5 分以上。

Học bổng dành cho cá nhân có điểm tiếng Anh tốt

Điều kiện dưới đây áp dụng cho những đơn xin nộp trước ngày nhập học 01/08 cùng năm:

1. Trước khi nhập học, điểm tiếng Anh đạt đủ tiêu chuẩn
2. Trước khi nhập học, điểm tiếng Anh trong kỳ thi chất lượng đạt 90/100 (9/10 điểm) trở lên
3. Trước khi nhập học, điểm tổng kết tiếng Anh trước đây đạt 93/100 (9.3/10 điểm) trở lên
4. Trước khi nhập học, điểm IELTS từ 6.0 trở lên (tất cả các môn thành phần không dưới 5.5)

備註

1. 以上所有獎助學金皆以實習方式按月領取。
2. 獎助學金錄取均經獎助學金委員會評審決議。
3. 實習單位得視學生表現情況發放獎助學金，亦可停止發放獎助學金。

Chú ý:

1. Tất cả các học bổng đều được phát đều đặn mỗi tháng cho những cá nhân đậu được học bổng.
2. Tất cả kết quả học bổng đều phải được hội đồng xét duyệt học bổng thống nhất

đồng ý.

3. Đơn vị tiếp quản thực tập có thể kiến nghị tiếp tục hoặc đình chỉ học bổng dựa vào kết quả và biểu hiện của học sinh sinh viên trong suốt quá trình thực tập.

台灣高等院校教育聯盟 學生高分獎助學金

學生高分獎助學金由 台灣全球中心高等創新教育股份有限公司與皇家漢諾威教育股份有限公司所提供，依照台灣高等院校教育聯盟獎助學金委員會評審通過可獲得下列獎助學金資格，將頒發獎助學金錄取通知書：

Học bổng Khuyến khích dành cho Sinh viên có thành tích tốt được cung cấp bởi Công ty TNHH Giáo dục Sáng tạo Tiên tiến Toàn cầu Đài Loan và Công ty Giáo dục Hoàng gia Hanover, và sẽ được trao dựa vào kết quả xét duyệt của Hội đồng xét duyệt Học bổng của Liên Minh Giáo Dục Bậc Cao Đài Loan.

2019獎助學金計畫

HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH

<table>
<tr><td>實習人數
Số lượng</td><td>100 人
100 suất</td><td rowspan="2">申請時間
Thời hạn</td><td>碩士博士：2018 年 11 月 1 日至 2019 年 3 月 15 日
Thạc sĩ, Tiến sĩ: từ 01 / 11/ 2018 đến 15 / 03 / 2019</td></tr>
<tr><td>實習週時
Thời gian thực tập</td><td>40 小時
40 giờ / tuần</td><td>高中大學：2018 年 11 月 1 日至 2019 年 3 月 17 日
THPT, Đại học: từ 01 / 11/ 2018 đến 17 / 03 / 2019</td></tr>
<tr><td>面試方式
Hình thức xét tuyển</td><td>視訊、電訪、面談
Phỏng vấn trực tiếp, Phỏng vấn qua cuộc gọi video</td><td>實習地點
Địa điểm thực tập</td><td>台灣、海外地區等，依實習單位需求安排
Đài Loan, Thượng Hải, … tùy thuộc vào yêu cầu của công ty, doanh nghiệp</td></tr>
<tr><td>獎助學金
Học bổng</td><td colspan="3">最高至新台幣135萬元，依獎助學金通知書，獎助學金以實習方式按月提供
Tối đa 1.350.000 Đài Loan tệ sẽ được chia đều cấp đều đặn mỗi tháng.
住宿由企業提供，水電等雜費或 其他交通機票補貼，視企業錄取通知書是否提供
Quá trình thực tập được doanh nghiệp sắp xếp nơi ở, các chi phí giao thông đi lại, điện, nước,… sẽ được doanh nghiệp thống nhất khi đến thực tập.</td></tr>
</table>

實行方案 Phương án	**獎助學金國際學程方案** **報讀大學 ：最高至新台幣70萬元** 2019 年 5 月 13 日 至 8 月 31 日，計約16週 2020 年 5 月 11 日 至 2021 年 1 月 24 日，共計約37週 2021 年 8 月 16 日 至 2022 年 8 月 21 日，共計約48週 **報讀碩士：最高至新台幣90萬元** 2019年 7 月 1 日 至 2021 年 8 月 31 日 ，共計約120週 報讀**博士：最高至新台幣135萬元** 2019 年 7 月 1 日 至 2022 年 8 月 31 日 ，共計約170週 **Học bổng dành cho Chương trình học tập quốc tế** **Đại học:** tối đa 700.000 Đài tệ - Từ 13 / 05 / 2019 đến 31 / 08 / 2019 : 16 tuần - Từ 11 / 05 / 2020 đến 24 / 01 / 2021 : 37 tuần - Từ 16 / 08 / 2021 đến 21 / 08 / 2022 : 48 tuần **Thạc sĩ:** tối đa 900.000 Đài tệ - Từ 01 / 07 / 2019 đến 31 / 08 / 2021 : 120 tuần **Tiến sĩ:** tối đa 1.350.000 Đài tệ - Từ 01 / 07 / 2019 đến 31 / 08 / 2022 : 170 tuần **獎助學金輔導班方案** **報讀輔導班升大學、碩士、博士寒暑期** 每年寒暑假時間，，實際時程依照企業訂定 **Học bổng với Lớp phụ đạo** **Đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đều học tập ở hai học kỳ:** Học kỳ mùa thu và học kỳ mùa xuân. Mỗi năm giữa hai học kỳ đều có hai đợt nghỉ hè và nghỉ đông, thời gian nghỉ tùy thuộc vào quy định của từng đơn vị thực tập.
申請條件 Điều kiện	聯盟輔導班及申請國際學程（大學、碩士、博士）學生，另視學生專長系所背景 Chương trình học tập quốc tế mà học sinh sinh viên muốn theo học (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) tùy thuộc vào nền tảng và chuyên ngành trước đây của học sinh sinh viên. 實習時，年滿 18 歲 ，未滿 20 歲須經家長書面同意 Tại thời điểm thực tập, ứng viên phải là học sinh lớp 12 hoặc là sinh viên, đủ 18 trở lên

職務規劃 Kế hoạch công việc	適合科系：不限 Khoa/Ngành phù hợp: không giới hạn 適合職務與產業：機場、資訊、財務、旅館、醫務、觀光、商務、貿易、文創、金融、商業、連鎖、設計、材料、生物、醫療、教育等等，全英或雙語的工作項目 Công việc và ngành nghề phù hợp: hàng không, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, khách sạn, du lịch, thiết kế, kinh doanh, thương mại, văn hóa, y học, vật liệu, sinh học, giáo dục,… Môi trường song ngữ hoặc hoàn toàn bằng tiếng Anh. 學生若欲更換實習企業，須經由「獎助學金產學合作委員會」會議同意。 Trường hợp muốn thay đổi đơn vị thực tập, cần phải được hội đồng xét duyệt học bổng thông qua đồng ý hoặc không đồng ý.
備註 Ghi chú	上述企業實習時間與週時及薪資均依獎助學金通知書為準。 Thời gian thực tập cũng như mức lương thực tập hằng tuần ở các doanh nghiệp phải tuần theo quy định của chính doanh nghiệp đó. 國際學程規劃，實習與學習時間如有調整時，將另行公告。 Kế hoạch học tập quốc tế, thời gian học tập và thực hành nếu có bất kỳ sự thay đổi nào đều sẽ được công bố.

高分獎助學金專案流程

QUY TRÌNH

2019 高分獎助學金實習職缺統計表

THỐNG KÊ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỌC BỔNG THỰC TẬP NĂM 2019

公司名称 Công ty	台灣全球皇家漢諾威 Hoàng Gia Toàn Cầu Hanover Đài Loan	产业类别 Ngành	教育機關 Giáo dục – Đào tạo
职缺部门 Bộ phận	教務組 Phòng Giáo vụ 國際事務組 Phòng Quốc tế 學生事務組 Phòng Sinh viên 通識先修組 Phòng Thông tin 總務組 Phòng Tổng vụ 財務人事室 Phòng Tài vụ Nhân sự	职称 Vị trí	教學暨資訊技術助理 2 名 2 TA cho môn Kỹ thuật thông tin 行政助理 2 名 2 Trợ lý hành chính 網路營運暨校園大使（代表）6 名 6 Đại diện trường và quản trị mạng 教學暨文書翻譯助理 2 名 2 Trợ lý dạy học và phiên dịch 行政助理 2 名 2 Trợ lý hành chính 行政助理 1 名 1 Trợ lý hành chính
工作地址 Địa điểm	依企業指派 Theo chỉ định	职缺名额 Nhu cầu	共計15名 Tổng cộng 15 vị trí

实习职缺 内容与计划 Nội dung và kế hoạch	教務組：(資訊背景、大學畢業) 協助授課教授完成教學目標與訂定教學計畫，協助線上教學系統 Phòng Giáo vụ: (tốt nghiệp đại học về mảng thông tin) Trợ lý hỗ trợ giáo sư các công việc liên quan đến giảng dạy, lập kế hoạch giảng dạy, và hỗ trợ online cho môn học có liên quan 國際事務組: 國際暨兩岸事務開發、執行、推廣、合作與協助學生出國留學之申請 Phòng Quốc tế: Đảm trách xử lý các công việc liên quan giữa các bên, các trường, thực thi, quảng bá, kết hợp và hỗ trợ sinh viên đăng ký du học 學生事務組: 處理學生事務並推廣高等院校教育聯盟品牌與課程，整合線上與線下實體方案 Phòng Sinh viên: Hỗ trợ các vấn đề của sinh viên, quảng bá thương hiệu của tổ chức Liên Minh và các khóa học (online và offline) 通識先修組: 文書翻譯與教學計畫訂定，協助教授完成教學目標。 Phòng Thông tin: Phiên dịch văn thư và hoạch định kế hoạch học tập, hỗ trợ giáo sư các công việc hành chính có liên quan 總務組: 處理商務企業來往事項與各項辦公設備維護 Phòng Tổng vụ Xử lý các giao dịch và bảo trì các thiết bị văn phòng 財務人事室：(人資背景、大學畢業) 人力資源管理與財務管理工作 Phòng Tài vụ Nhân sự: (tốt nghiệp đại học về mảng nhân sự, thông tin) Quản lý nguồn nhân lực và quản lý tài chính
工作条件 Điều kiện	如：所需专长、学生系所等 Có chuyên môn

所需证照 Hồ sơ cần thiết	■相关证照：__教務組須具備資訊系統處理能力_____ ■Bằng cấp：Phòng giáo vụ cần chứng nhận tốt nghiệp mảng thông tin ■语言(英文)能力：_通識先修組需另進行語言鑒定_____ ■Ngoại ngữ：_____ ☐其他：_____ ☐Khác：_____
面试方式 Cách thức tuyển dụng	☐电访 ■委員會面试 ☐其他: _____ ☐Điện thoại phỏng vấn ■Hội đồng phỏng vấn trực tiếp ☐Khác: _____
提供条件 Được hỗ trợ	■是 ☐否 住宿提供 ■Có ☐Không Nơi ở 住宿状况：距离： ☐厂区员工宿舍 ■另外租房(距离:__15__分钟) Thông tin nơi ở：Khoảng cách：☐Ký túc xá ■Phòng trọ(cách 15 phút) 住房： ☐2 人以内 ■3-4 人 ■5-6 人 ■6 人以上 Phòng： ☐2người ■3-4người ■5-6người ■6người trở lên ■是 ☐否 其他额外提供(如餐食)：一餐 ■Có ☐Không Các khoản khác (ăn uống)：1 buổi ăn